

Lý thuyết hệ thống xã hội và một vài gợi ý trong đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam

Đỗ Văn Quân^(*)

Tóm tắt: Trên thế giới, lý thuyết hệ thống xã hội là chủ đề rộng lớn, thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau. Tại Việt Nam, việc nghiên cứu nhằm không ngừng đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị đang được nhiều ngành khoa học, nhiều nhà khoa học quan tâm, tuy nhiên hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào đề cao và xuyên suốt việc sử dụng phương pháp nghiên cứu hệ thống chính trị với tư cách là một tiểu hệ thống xã hội trong hệ thống xã hội tổng thể. Tức là sử dụng lý thuyết hệ thống xã hội để tiếp cận hệ thống chính trị ở Việt Nam. Với tư cách là một tiểu hệ thống xã hội, sự bắt cập lớn nhất của hệ thống chính trị ở Việt Nam chính là chưa xem xét cụ thể mối tương quan và tương tác giữa các tiểu hệ thống, bộ phận hợp thành hệ thống chính trị; sự tương quan và tương tác liên hệ thống cũng chưa được quan tâm đúng mức. Do vậy, việc nghiên cứu hệ thống chính trị từ góc độ lý thuyết hệ thống xã hội có thể gợi mở, liên tưởng về quá trình đổi mới, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay, đó cũng là những nội dung mà bài viết muốn đề cập tới.

Từ khóa: Việt Nam, Lý thuyết hệ thống xã hội, Hệ thống chính trị

1. Nghiên cứu lý thuyết hệ thống xã hội^(*)

Lý thuyết hệ thống xã hội đã có lịch sử ra đời, phát triển và ảnh hưởng mạnh mẽ trong nghiên cứu khoa học trên thế giới hơn 100 năm qua. Những tác giả tiêu biểu của lý thuyết khoa học này có thể kể đến như: T. Parsons, W. Buckley, M. Archer, K.D. Bailey, R. Lilienfeld... Trong khuôn khổ phân tích, chúng tôi xin giới thiệu một số tác giả và công trình nghiên cứu tiêu biểu trên thế giới và Việt Nam.

T. Parsons với “The Social System” (1951), trong đó ông chỉ rõ các đặc trưng

của hệ thống, đó là: 1) Hệ thống có trật tự chính xác và sự phụ thuộc liên đới lẫn nhau giữa các bộ phận; 2) Hệ thống có xu hướng đi tới một trật tự tự thân duy trì, hoặc tự cân bằng; 3) Hệ thống có thể ở trạng thái tĩnh hoặc có liên quan tới một tiến trình biến đổi có trật tự; 4) Bản chất của một bộ phận của hệ thống có tác động tới hình thức của các bộ phận khác; 5) Hệ thống duy trì những ranh giới với những môi trường của chúng; 6) Phân hóa và tích hợp là hai quá trình cơ bản cần thiết cho một trạng thái cân bằng ổn định của một hệ thống; 7) Hệ thống xã hội có xu hướng đi tới sự tự thân duy trì, bao gồm sự duy trì các ranh giới và các tương quan của các bộ phận theo ý nghĩa một tổng thể, kiểm

^(*) TS., Viện Xã hội học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Email: dvquan.xhh@gmail.com

soát các khác biệt đa dạng của môi trường và kiểm soát các xu hướng biểu hiện hệ thống chính trị ngay trong lòng nó.

Đối với W. Buckley, các giả định lý thuyết hệ thống đã được đưa ra trong cuốn sách “Sociology and modern systems theory”, năm 1967 như sau: 1) Thừa nhận rằng, căng thẳng là tình trạng tất yếu và bình thường của hệ thống xã hội; 2) Chú trọng bản chất và nguồn gốc của tính đa dạng trong hệ thống xã hội. Nhấn mạnh tình trạng căng thẳng và tính đa dạng làm cho quan điểm hệ thống có cách nhìn sinh động về thực tại xã hội; 3) Thừa nhận rằng có quá trình chọn lọc đối với cá nhân và đối với cả cấp độ liên chủ thể, nhờ đó mà các phương án lựa chọn đa dạng và phong phú đều dễ mở cho mọi thành viên xã hội. Điều đó tạo động lực cho biến đổi hệ thống xã hội; 4) Cấp độ liên chủ thể được coi là cơ sở của những biến đổi cấu trúc lớn hơn. Các quá trình trao đổi, thương lượng, mặc cả làm cho xuất hiện các cấu trúc xã hội và văn hóa tương đối ổn định; 5) Mặc dù quan điểm hệ thống vốn có cách nhìn động lực, song thực chất vẫn là sự thừa nhận tính bền vững và tính kế thừa của hệ thống (Dẫn theo: George Ritzer, 1992).

Bertalanffy và cộng sự trong tác phẩm “General systems theory: Foundation, development, applications” (1968) đã xác lập một số nguyên lý chung là: 1) Nguyên lý tính chỉnh thể, thống nhất; 2) Nguyên lý tính phức thể, tương tác đa biến; 3) Nguyên lý cân bằng nội tại; 4) Nguyên lý hướng đích cân bằng; 5) Nguyên lý tự điều chỉnh, tự phân hóa. Trong khi đó, theo cách xác định của Hoàng Tuy cho thấy các nguyên lý của phương pháp luận hệ thống bao gồm: 1) Nguyên lý tính nhất thể; 2) Nguyên lý hướng đích; 3) Nguyên lý tính trôi; 4) Nguyên lý cấu trúc (Hoàng Tuy, 1987).

Trong bài viết “Đặc điểm tiếp cận hệ thống trong xã hội học” (1996), Tô Duy

Hợp đã làm sáng tỏ đặc điểm tiếp cận hệ thống trong xã hội học - một trường hợp điển hình của sự xác minh và làm phong phú hai vấn đề quan trọng. *Một là*, các lý thuyết xã hội học, về thực chất, đều là các lý thuyết hệ thống xã hội, nhưng với những cách tiếp cận khác nhau. Các khuynh hướng lý thuyết này thường cạnh tranh nhau, thậm chí đối lập, loại trừ lẫn nhau. *Hai là*, các khuynh hướng tổng - tích hợp các lý thuyết xã hội học đương đại (như tích hợp tác nhân - cấu trúc, chức năng - xung đột, vĩ mô - vi mô và tổng hợp chức năng - cơ cấu, tác nhân - hành động, xung đột - tiến hóa trong xã hội học,...) thực chất là đi theo hướng *tiếp cận hệ thống xã hội tổng thể, toàn diện* mà K. Marx đã khởi xướng từ giữa thế kỷ XIX.

Còn trong một công trình khoa học mới được công bố gần đây “Hệ thống cấu trúc và phân hóa xã hội” (2015), tác giả Lê Ngọc Hùng đã chỉ ra các nguyên tắc của lý thuyết hệ thống: 1) Nguyên tắc về tính mở cho biết hệ thống xã hội luôn mở với môi trường và quan hệ với môi trường; 2) Nguyên tắc có tính chủ đích cho biết hệ thống xã hội luôn có mục đích, xác định lựa chọn, phải ra quyết định trên cơ sở lý trí, cảm xúc và văn hóa; 3) Nguyên tắc về tính đa chiều cho biết hệ thống xã hội luôn là sự phụ thuộc lẫn nhau của vô số các chiều cạnh khác nhau thậm chí trái ngược nhau, sự thống nhất của các mặt đối lập; 4) Nguyên tắc về tính hợp trội của hệ thống xã hội thể hiện sức mạnh của các tương tác xã hội, quan hệ xã hội; 5) Nguyên tắc về tính phản trực cảm cho biết hệ thống xã hội luôn chứa đựng các yếu tố bất ngờ, khó lường hỗn độn, bất định, tai biến... nhấn mạnh tính chủ động của các thành tố.

Từ những vấn đề nêu trên có thể gợi mở, liên tưởng về quá trình đổi mới, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay cần phải được tiếp cận

hệ thống tổng thể, toàn diện nhằm đạt mục tiêu chung là hệ thống chính trị phải đáp ứng được mục tiêu: *dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh* bằng hệ thống giải pháp đồng bộ và sự lựa chọn phương án thích hợp.

2. Vài nét về nghiên cứu đổi mới, xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam

1. Về phương diện thực tiễn, hệ thống chính trị ở Việt Nam ra đời, phát triển và gánh vác một sứ mệnh lịch sử vẻ vang. Qua 85 năm lãnh đạo của Đảng, hệ thống chính trị Việt Nam đã phát huy có hiệu quả vai trò tổ chức và vận hành của mình, mặc dù trong mỗi giai đoạn cách mạng, do những đặc điểm và điều kiện chính trị khác nhau mà vị trí, vai trò của từng bộ phận trong hệ thống chính trị có những điều chỉnh cho phù hợp. Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và 5 đoàn thể chính trị - xã hội (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam).

Với mô hình tổ chức và hoạt động của mình, hệ thống chính trị Việt Nam vận hành theo nguyên lý huy động tổng lực của mọi thành phần, lực lượng quốc gia nhằm thực hiện mục tiêu chính trị của toàn dân tộc, trong đó Đảng Cộng sản Việt Nam là hạt nhân chính trị, Nhà nước là trụ cột của hệ thống, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội là tổ chức liên minh chính trị - xã hội (Lê Quốc Lý, 2014). Chúng ta đã có những bước đổi mới đáng quan trọng về tư duy lý luận khoa học chính trị, hình thành tư duy chính trị mới. Nhất là gia tăng liên thông,

liên kết hệ thống chính trị 4 khối (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc cùng với các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội công dân). Bên cạnh đó là sự gắn kết ngày càng rõ hơn giữa đổi mới liên hệ thống chính trị với đổi mới hệ thống kinh tế - văn hóa - xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đã đạt được, hệ thống chính trị nước ta vẫn còn bộc lộ những khiếm khuyết. Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý và điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội chưa đáp ứng đòi hỏi của tình hình thực tiễn. Một bộ phận không nhỏ cán bộ trong hệ thống chính trị thoái hóa về phẩm chất đạo đức, lối sống, thiếu năng lực thực thi công vụ, chưa khắc phục được tình trạng “công chức hóa”. Thêm nữa, nhận thức và cơ hội của người dân về dân chủ, về quyền dân chủ còn hạn chế. Tổ chức bộ máy vẫn còn chồng chéo, nhiều tầng nấc trung gian; chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức trên một số lĩnh vực vẫn còn chồng chéo; thẩm quyền, trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu chưa rõ. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chậm đổi mới. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước ở nhiều nơi còn hạn chế (Lê Quốc Lý, 2014). Đặc biệt, việc xây dựng, đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam vẫn ở trong tình trạng thiếu tư duy hệ thống; ở mức độ nào đó lý luận vẫn còn xa rời với thực tiễn. Bên cạnh đó, còn xuất hiện dấu hiệu chủ nghĩa bảo thủ mới, chủ nghĩa kinh nghiệm mới, chủ nghĩa thành tích mới, chủ nghĩa thực dụng mới, chủ nghĩa dân tộc mới...

2. Với tư cách là bộ phận quan trọng nhất của kiến trúc thượng tầng, hệ thống

chính trị ở nước ta không ngừng được quan tâm đổi mới và hoàn thiện. Chỉ tính từ năm 2002 đến nay, Đảng ta đã liên tục ban hành 3 Nghị quyết quan trọng liên quan đến hệ thống chính trị: Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX (tháng 3/2002) về *Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn*; Nghị quyết Trung ương 4 khóa X (tháng 2/2007) về *Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội*; Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI (tháng 5/2013) về *Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở*. Tuy nhiên, một trong những biểu hiện rõ nhất khi bàn đến hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay chính là mâu thuẫn giữa yêu cầu đẩy mạnh đổi mới hệ thống chính trị với sự thiếu hụt trong những biện pháp mang tính đột phá trên lĩnh vực này.

Có thể nói, quá trình đổi mới phát triển đất nước hiện nay đòi hỏi xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị được tổ chức và hoạt động phù hợp với các yêu cầu của nền kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền, hội nhập quốc tế; có đủ năng lực để giải quyết mọi khó khăn, các diễn biến phức tạp về chính trị, kinh tế, xã hội. Do vậy, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế chính trị luôn là đòi hỏi có tính cấp thiết, là một trong những nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa chiến lược to lớn đối với sự phát triển bền vững của nước ta hiện nay. Công cuộc đổi mới và phát triển đất nước đang ngày càng đặt ra những vấn đề phức tạp và mới mẻ; nhiều vấn đề chưa kịp được lý giải thấu đáo thì lại xuất hiện những vấn đề mới. Chính vì vậy, hệ thống chính trị ở Việt Nam cần được tiếp tục nghiên cứu theo phương pháp tiếp cận mới và phù hợp.

3. Trong gần 30 năm đổi mới đất nước, Đảng và nhân dân ta đã đạt được những nhận thức lý luận mới về dân chủ và hệ thống chính trị, đã rút ra được những bài học kinh nghiệm bước đầu đáng quý về đổi mới hệ thống chính trị, về thực hiện dân chủ và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Song, trên lĩnh vực *quan trọng* nhưng cũng *rất phức tạp* này, còn có những hạn chế, yếu kém và bất cập so với sự biến đổi mau lẹ của thực tiễn và trước yêu cầu mới của phát triển bền vững. Đổi mới hệ thống chính trị ngày càng trở nên bức xúc, đòi hỏi chúng ta phải đi sâu nghiên cứu, tổng kết, đánh giá, trên cơ sở đó tìm tòi, *áp dụng những giải pháp mới, xác định đúng và thực hiện tốt những đột phá* để phát triển trên lĩnh vực chính trị và đổi mới hệ thống chính trị (Lê Hữu Nghĩa, 2013).

Trong khoảng hơn 20 năm vừa qua, tại Việt Nam đã có hàng ngàn công trình khoa học với các góc độ, cấp độ khác nhau nghiên cứu về hệ thống chính trị đã được công bố. Qua những công trình nghiên cứu này cho thấy, nhận thức và hành động của Đảng và Nhà nước ta ngày càng có những bước tiến mới, phù hợp hơn. Đồng thời, xét ở góc độ phương pháp luận, tất cả các công trình nghiên cứu về hệ thống chính trị đều lấy chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh về hệ thống chính trị là cơ sở lý luận trực tiếp để nghiên cứu. Phần lớn các nghiên cứu đã tuân theo nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa Marx-Lenin, đó là *đi từ cái chung đến cái riêng*. Đặc biệt, đa số các nghiên cứu đều dựa trên *quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển* để xem xét, phân tích hệ thống chính trị. Không những vậy, các nghiên cứu thường sử dụng các phương pháp nghiên cứu phân tích cụ thể như: phương pháp liên ngành, phương pháp của

khoa học lịch sử, phương pháp hệ thống, phương pháp tổng hợp, phương pháp nghiên cứu so sánh (Tô Duy Hợp và cộng sự, 2005).

Tuy nhiên, hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào đề cao và xuyên suốt việc sử dụng phương pháp *tiếp cận hệ thống chính trị với tư cách là một tiểu hệ thống xã hội trong hệ thống xã hội tổng thể*. Tức là sử dụng lý thuyết hệ thống xã hội để tiếp cận nghiên cứu hệ thống chính trị ở Việt Nam. Với tư cách là một tiểu hệ thống xã hội, một trong những bất cập lớn nhất của hệ thống chính trị ở Việt Nam chính là chưa xem xét cụ thể mối tương quan (quan hệ qua lại) và tương tác (tác động qua lại) giữa các tiểu hệ thống, bộ phận hợp thành hệ thống chính trị; sự tương quan và tương tác liên hệ thống (hệ thống chính trị với hệ thống kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường) cũng chưa được quan tâm đúng mức...

3. Một vài gợi mở trong đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam

1. Nghiên cứu hệ thống chính trị theo hướng tiếp cận lý thuyết hệ thống xã hội. Phương pháp luận của lý thuyết hệ thống xã hội luôn coi xã hội là một sự vật, một cấu trúc có hệ thống, các bộ phận của hệ thống này có mối quan hệ với nhau; xã hội luôn vận động, phát triển và chúng ta có thể định lượng được các hiện tượng và quá trình xã hội. Lý thuyết hệ thống xã hội cho phép chúng ta đồng thời hiểu thấu đáo cấu trúc xã hội và hoạt động của cấu trúc xã hội; các quá trình, khuôn mẫu hành động và tương tác xã hội; các hệ quả xã hội tích cực và tiêu cực... Lý thuyết hệ thống xã hội cho phép tiếp cận hệ thống một cách toàn diện trong xu hướng không ngừng vận động do con người vận hành và sự hiểu biết các hệ thống xã hội (trong đó có hệ thống chính trị). Thiết nghĩ nếu liên

hệ với việc nghiên cứu lý thuyết, áp dụng thành công lý thuyết hệ thống xã hội là một vấn đề cần phải quan tâm trong tiếp cận nghiên cứu nhằm đổi mới, xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam.

Về mặt lý luận, theo các nhà chính trị học và xã hội học chính trị phương Tây thì thuật ngữ hệ thống chính trị đã được sử dụng từ lâu. Ở Trung Quốc, hệ thống chính trị được dùng tương đương với thuật ngữ thể chế chính trị. Thuật ngữ hệ thống chính trị được dùng lần đầu trong Văn kiện Đại hội lần thứ 25 Đảng Cộng sản Liên Xô và được trình bày đầy đủ trong Văn kiện Đại hội lần thứ 27 của Đảng Cộng sản Liên Xô. Tại Việt Nam, thuật ngữ này được Đảng sử dụng chính thức từ Hội nghị Trung ương 6 khoá VI (tháng 3/1989) (Tô Duy Hợp và cộng sự, 2005).

Từ đó cho đến nay, ở nước ta đã có hàng ngàn công trình khoa học nghiên cứu về hệ thống chính trị được công bố dưới dạng đề tài khoa học, sách giáo trình, sách chuyên khảo, bài tạp chí, diễn đàn, hội thảo... Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là khi nghiên cứu về chủ đề hệ thống chính trị chúng ta chưa quan tâm một cách thỏa đáng ở phương diện lý thuyết và phương pháp tiếp cận. Chẳng hạn, trong nghiên cứu về hệ thống chính trị ở Việt Nam, lý thuyết hệ thống xã hội dường như chưa được quan tâm thỏa đáng. Trong khi đó, theo gợi ý của lý thuyết hệ thống xã hội, nếu không tiếp cận hệ thống chính trị với tính chất là một tiểu hệ thống xã hội sẽ rất khó nhận thức đầy đủ và sâu sắc về vị trí, vai trò của hệ thống chính trị trong mối quan hệ với các loại hệ thống: văn hóa, kinh tế, xã hội...

Với quan niệm hệ thống chính trị là một kiểu loại trong hệ thống xã hội, chúng ta cần nhận thức sâu sắc và hành động đầy đủ hơn trong việc phát huy dân chủ, xây

dựng kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và xã hội công dân. Bởi lẽ, quyền lực chính trị trong điều kiện hiện nay không chỉ thể hiện trong khuôn khổ của thiết chế chính trị mà nó có xu hướng hiện diện, cũng như chịu sự tác động trực tiếp, mạnh mẽ và đa chiều của các thiết chế xã hội khác.

2. Khả năng, kết quả của việc vận dụng lý thuyết hệ thống xã hội trong đổi mới, xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam. Việc vận dụng lý thuyết hệ thống xã hội trong tiếp cận đổi mới và xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam có thể gợi mở cho chúng ta thêm những cơ sở khoa học và thực tiễn mới. Chẳng hạn, từ trước đến nay chúng ta vẫn nhận thức chung rằng đặc điểm của hệ thống chính trị nước ta là thống nhất cao dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hệ thống chính trị nước ta không phải là hệ thống của các thiết chế đối lập nhau về mặt lợi ích. Đảng Cộng sản là một thành viên của hệ thống đó nhưng Đảng giữ vai trò lãnh đạo. Vai trò lãnh đạo của Đảng là một tất yếu lịch sử không thể phủ nhận (Trần Thái Dương, 2006)... Trong điều kiện hiện nay, nhận thức này vẫn không sai nhưng chưa hoàn toàn đầy đủ, bởi sự tham gia của các lực lượng xã hội vào hoạt động chung của hệ thống chính trị đã làm thay đổi tính chất thuần nhất của hệ thống chính trị truyền thống. Kết quả hoạt động của cả hệ thống này là sản phẩm của sự tác động đa chiều và thường xuyên biến đổi của đời sống thực tiễn. Như vậy, cần có sự đổi mới mạnh mẽ về phương thức tiếp cận vấn đề đổi mới, xây dựng hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay. Không những vậy, trong đổi mới, xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam cần nhấn mạnh khả năng tương tác về quyền lực chính trị của các thành phần thuộc hệ thống chính trị.

Mặc dù đã có nhiều thay đổi, tuy nhiên cơ chế vận hành của hệ thống chính trị ở Việt Nam chủ yếu thể hiện mối quan hệ một chiều từ trên xuống dưới; cũng như xoay quanh một trục hướng tâm, tập trung quyền lực... Thực tế mô hình vận hành này bên cạnh những ưu điểm sẽ tạo ra những khuyết điểm mang tính “lỗi hệ thống”. Đặc biệt, nó làm cho hệ thống chính trị ít có khả năng thích ứng được với những yêu cầu của sự biến đổi xã hội ngày càng mạnh mẽ, đa dạng, phức tạp. Thiết nghĩ, trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền thì cần phải xây dựng các thành phần/tổ chức chính trị trong hệ thống chính trị đủ mạnh, độc lập tương đối và có khả năng tương tác về quyền lực, thực hiện đúng chức năng, hướng đến tản quyền... của các thành tố tạo nên hệ thống chính trị, giúp Đảng kịp thời phát hiện, khắc phục được những hạn chế, phát huy vai trò thế mạnh trong quá trình lãnh đạo đất nước.

Nói tóm lại, việc áp dụng lý thuyết hệ thống xã hội trong nghiên cứu hệ thống chính trị sẽ tạo ra khả năng phân tích sâu sắc, khách quan và khoa học những ưu điểm và vấn đề “lỗi hệ thống” của hệ thống chính trị. Để vượt qua được “lỗi hệ thống” cần thực hiện phương châm tái cấu trúc hệ thống chính trị - xã hội hướng đến 4 khối (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội, và các tổ chức xã hội), 5 cấp (Trung ương, tỉnh/thành, quận/huyện, xã/phường/thị trấn, thôn/ấp/khu phố); cải cách hệ thống thể chế chính trị - xã hội (chính thức, phi chính thức); bảo đảm sự thống nhất liên-xuyên hệ thống chính trị/kinh tế/văn hóa/xã hội/môi trường nhằm mục tiêu phát triển lành mạnh (tức là phát triển toàn diện, hài hòa, bền vững) □

(Xem tiếp trang 56)